TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **106** /2023/HC-PT
Ngày: 19-4-2023
V/v "*Khiếu kiện yêu cầu hủy QĐHC*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các thẩm phán: ông **Vũ Thanh Liêm** và ông **Phạm Việt Cường**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Thành An**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông **Lê Phước Thạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 318/2022/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2022 về *"Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính"*; do Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2022/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1014/2023/QĐPT-HC ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1980. Địa chỉ: 35 H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Bùi Xuân N, sinh năm 1980 – Công ty luật TNHH MTV N. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Đơn vắng mặt.

***- Người bị kiện*:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Quang N – Phó Chủ tịch. Đơn vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Đức V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng. Đơn vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: quận N, thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Đức V – Phó Chủ tịch. Đơn vắng mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:** Ủy ban nhân dân phường H,

quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn M trình bày:***

Tôi là chủ sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 286, diện tích 222,5m^2 tại tổ 26 (cũ), phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Nguồn gốc đất do cha mẹ tôi cho vợ chồng tôi sử dụng từ năm 1996 (ông bà tôi đã cho lại cho cha mẹ tôi). Trong quá trình sử dụng đất của ông bà và cha mẹ tôi (trước khi cho vợ chồng tôi) thì không có đăng ký kê khai sử dụng đất theo Chỉ thị số 299/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và kê khai đất theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ, nhưng thực tế có sử dụng và không tranh chấp.

Đến năm 2003, vợ chồng tôi xây dựng nhà và ở ổn định từ năm 2004 đến nay, không tranh chấp, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước đầy đủ, có hộ khẩu thường trú tại nơi ở. Về giấy tờ liên quan đến nhà, đất và căn cứ để chứng minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của tôi, cụ thể như sau:

Giấy xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND phường H xác nhận ngày 28/04/2004, với nội dung: "Ông Nguyễn Văn M có nhà ở tại tổ 26 Đông Hải - H là đúng".

Biên lai nộp thuế nhà, đất nhiều năm, trong đó có Biên lai số 016504 do Chi cục thuế quận N cấp ngày 15/6/2004.

Sổ Hộ khẩu gia đình đứng tên tôi số 150000526 do Công an quận N cấp ngày 28/12/2007, với 05 nhân khẩu.

Hiện trạng sử dụng tại thời điểm thu hồi là có nhà ở được mô tả cụ thể tại Sơ đồ thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND quận N, Biên bản kiểm định khối lượng, chất lượng nhà ở ngày 09/8/2011 (nhà ở gần 100m^2) và Bảng tính giá trị đền bù ngày 17/12/2011 có tính toán giá trị cụ thể.

Với nguồn gốc đất và nhà ở, những giấy tờ nêu trên, có đủ cơ sở chứng minh được là tôi sử dụng đất làm nhà ở từ ngày 01/7/2004.

Về thu hồi đất và bồi thường thiệt hại:

Ngày 10/08/2009, UBND quận N ban hành Quyết định số 3147/QĐ-UBND thu hồi diện tích 222,5m^2 nêu trên do tôi sử dụng để thực hiện dự án khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng. Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đã quyết định bồi thường thiệt hại cho gia đình tôi như sau:

- Hỗ trợ 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đ/m^2) cho diện tích 222,5m^2.

- Hỗ trợ 100% nhà, vật kiến trúc theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 cua UBND thành phố Đà Nẵng.

- Bồi thường cây cối hoa màu trên đất theo quy định ban hành kèm theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Không giải quyết tái định cư.

- Hỗ trợ số tiền 40.000.000 đồng (trên nguyên tắc bàn giao mặt bằng mới giải quyết).

Về khiếu nại và kết quả giải quyết khiếu nại quyết định hành chính:

Tôi không đồng ý việc Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng quyết định bồi thường thiệt hại như trên nên đã khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng giải quyết hỗ trợ 50% giá đất ở cho diện tích đất thu hồi và bố trí 01 lô đất tái định cư, đồng thời yêu cầu hỗ trợ trượt giá nhà, vật kiến trúc vì đã áp giá từ năm 2011.

Ngày 13/1 1/2021, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ra quyết định số 3653/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của tôi, với quyết định như sau:

"Giữ nguyên các quyết định phê duyệt đền bù, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Văn M thuộc diện thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng.

- Không chấp nhận nội dung yêu cầu khiếu nại và yêu cầu của ông Nguyễn Văn M nêu tại mục 1 của Quyết định này.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận Quyết định này, nếu ông Nguyễn Văn M không đồng ý với giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố thì có thể khởi kiện Chủ tịch UBND thành phố tại Tòa án theo quy đinh của pháp luật về luật tố tụng hành chính. ..."

Căn cứ để khởi kiện:

Tôi không đồng ý với nội dung giải quyết nêu trên, nay khởi kiện vụ án hành chính với các lý lẽ và căn cứ cụ thể nêu tại nguồn gốc nhà, đất đối chiếu với quy định của pháp luật tôi thấy:

a) Về bồi thường thiệt hại do thu hồi đất

- Về thời điểm bắt đầu sử dụng đất làm nhà ở của tôi: Căn cứ vào ngày UBND phường H ký xác nhận trong Đơn xin xác nhận nguồn đất và nhà của tôi là ngày 28/4/2004, Biên lai thu thuế nhà, đất số 016504 ngày 15/6/2004 do Chi cục thuế quận N cấp đủ cơ sở chứng minh được tôi sử dụng đất để làm nhà ở là trước ngày 01/07/2004.

- Mục đích sử dụng đất của tôi làm nhà ở, thể hiện rất rõ tại Sơ đồ thu hồi đất (ban hành kèm theo Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND quận N), Biên bản kiểm định khối lượng, chất lượng nhà ở ngày 09/8/2011 (diện tích xây dựng nhà ở gần 100m^2) và Bảng tính giá trị đền bù ngày 17/12/2011 có tính giá trị nhà và sổ Hộ khẩu số 150000526 do Công an quận N cấp ngày 28/12/2007.

- Sử dụng đất làm nhà ở ổn định đến thời điểm thu hồi đất và không tranh chấp.

Như vậy, trường hợp của tôi đủ điều kiện được bồi thường về đất với mức 50% giá đất ở cho diện tích đất theo hạn mức được quy định tại khoản 1, Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng. Cụ thể quy định như sau:

"Điều 6. Điều kiện, mức bồi thường 50% giá trị đất ở

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở ổn định, liên tục thuộc trường hợp sau đây:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở ổn định, liên tục do nhận chuyển nhượng, cho, tặng, tự chuyển mục đích sử dụng sang đất ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 nhưng không có giấy tờ hợp lệ, đã sử dụng làm nhà ở ổn định, được UBND phường, xã xác nhận không tranh chấp thì được bồi thường 50% giá trị đất ở nhưng không quá hạn mức giao đất ở, diện tích còn lại (nếu có) thì hỗ trợ đất nông nghiệp.

b) Về tái định cư."

Hiện trạng sử dụng đất của tôi tại thời điểm thu hồi có nhà ở, có Sổ Hộ khẩu thường trú tại nơi thu hồi đất, gia đình có công với cách mạng (cha tôi là ông Nguyễn Văn Chương được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì), có căn cứ giải quyết bồi thường, hỗ trợ 50% giá đất ở nói trên, hiện gia đình tôi đang sử dụng đất của cha mẹ nên có nhu cầu bố trí đất để làm nhà ở nên đủ căn cứ được giải quyết bố trí 01 (một) lô đất tái định cư theo quy định tại khoản 1 và điểm a, khoản 2 Phần III của Phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa dự án Khu đô thị công nghệ FPT tại phường H, quận N (ban hành kèm theo Quyết định số 3991/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng). Cụ thể quy định như sau:

- Khoản 1 Phần III của Phương án: "Đối tượng bố trí tái định cư:

Đối tượng bố trí đất tái định cư là hộ giải tỏa bị thu hồi hết đất ở hoặc diện tích đất ở thu hồi từ 4 hạn mức công nhận hoặc % hạn mức giao đất ở trở lên và có nhu cầu đất tái định cư đồng thời được bồi thường, hỗ trợ đất ở theo Điều 5, 6, 7, 8, 9 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà

nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Điểm a, khoản 2 Phần III của Phương án:

"a/ Đối tượng bố trí đất tái định cư là hộ giải tỏa bị thu hồi hết đất ở hoặc diện tích đất ở bị thu hồi từ 2 hạn mức công nhận hoặc 2 hạn mức giao đến 01 hạn mức (bao gồm cả đất ở và đất khuôn viên) thì bố trí 01 (một) lô".

c) Về giải quyết hỗ trợ trượt giá nhà, vật kiến trúc

Năm 2008, thu hồi đất của gia đình tôi nhưng đến năm 2011 áp giá theo quy định tại bảng giá quy định của năm 2009, năm 2011 mới có Bảng giá gửi cho tôi và năm 2020 thông báo yêu cầu tôi nhận tiền bồi thường là không phù hợp với thực tế và không đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ và lập luận nêu trên, tôi kính đề nghị TAND thành phố Đà Nẵng xem xét giải quyết các nội dung yêu cầu sau:

1. Hủy một phần Quyết định số 3213/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

2. Hủy một phần Quyết định số 5451/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

3. Hủy Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 13/11/2021 Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

Đề nghị Chủ tịch UBND thành phố xem xét giải quyết hỗ trợ 50% giá đất ở theo hạn mức và bố trí 01 lô đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, người khởi kiện yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện cụ thể:

Yêu cầu hủy Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND quận N về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng.

**** Tại phiên toà sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng là ông Lê Quang Nam vắng mặt, nhưng tại văn bản gửi Tòa án trình bày:***

Ông Nguyễn Văn M khiếu nại về việc không giải quyết bố trí đất tái định cư, không bồi thường theo giá đất ở và không hỗ trợ trượt giá nhà, vật kiến trúc theo quy định của pháp luật đối với hộ ông do thu hồi thửa đất số 64, tờ bản đồ hiện trạng số 286, diện tích 222,5 m^2 tại phường H, quận N để đầu tư xây dựng khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng. Ông Nguyễn Văn M yêu cầu giải quyết hỗ trợ 50% giá đất ở cho diện tích đất thu hồi, bố trí 01 lô đất tái định cư và hỗ trợ trượt giá nhà, vật kiến trúc vì đã áp giá từ năm 2011.

Qua xác minh thể hiện:

1. Về nguồn gốc nhà, đất và quá trình sử dụng

Thửa đất số 64, tờ bản đồ hiện trạng số 286, phường H, quận N do hộ ông Nguyễn Văn M sử dụng có nguồn gốc như sau:

Tại biên bản làm việc với Thanh tra thành phố vào ngày 14/12/2020, ông Nguyễn Văn M trình bày: Nguồn gốc đất là do cha mẹ để lại năm 1996 (đất của ông bà để lại cho cha mẹ ông), ông sử dụng đến năm 2003 thì xây dựng nhà và ở ổn định từ năm 2004 đến thời điểm thu hồi đất. Năm 2004 ông có làm giấy xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND phường Hoà Hải ký xác nhận ngày 28/4/2004, ông có nộp thuế nhà đất từ năm 2004.

Qua kiểm tra, đối chiếu với tài liệu thu thập được thể hiện như sau:

- Nội dung trình bày về nguồn gốc nhà, đất của ông Nguyễn Văn M nêu trên có thể hiện tại Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất và nhà ở có xác nhận của Tổ trưởng Tổ dân phố số 26 là ông Nguyễn Dũng, với nội dung: "Qua đơn trình bày của ông Nguyễn Văn M nguồn gốc đất và nhà ở tại tổ 26 là đúng. Tổ xác nhận và xin đề nghị các cấp quan tâm giải quyết".

- Đơn này được Chủ tịch UBND phường H ông Ngô Thanh Xuân xác nhận ngày 28/4/2004, với nội dung: "Ông Nguyễn Văn M có nhà ở tại tổ 26 Đông Hải - H là đúng".

Tại biên bản làm việc với Thanh tra thành phố ngày 07/5/2021, ông Nguyễn Dũng trình bày như sau: "Tôi làm Tổ trưởng Tổ 29 cũ phường H từ năm 1999-2017, năm 2018 nghỉ. Tại thời điểm làm tổ trưởng, tôi biết ông Nguyễn Văn M có nhà và ở ngôi nhà này bị giải tỏa, ông M là con ông Nguyễn Văn Chương. Ông M có nhà ở từ năm 2003, ở vài năm thì ông M đi làm ăn ở ngoài Bắc, vợ con ông M ở, ông M đi đi về về. Đến năm 2017, năm 2018 thì gia đình về nhà cha là ông Chương ở."

Tại biên bản làm việc với Thanh tra thành phố ngày 22/6/2021, ông Ngô Thanh Xuân, chức vụ: Phó trưởng Ban Tổ chức Quận ủy N - nguyên là Chủ tịch UBND phường H từ năm 2001-2009 xác nhận như sau: "Về chữ ký trong đơn xác nhận là đúng của tôi. Về con dấu trong đơn đúng là của UBND phường H. Lời chứng trong đơn là của ông Nguyễn Thanh Hải - cán bộ địa chính phường H phê. Vị trí đất trong đơn lúc đó có tứ cận: Phía Đông giáp nhà ông Khương, phía Tây giáp nhà ông Trương, phía Nam giáp nhà bà Liệu, phía Bắc giáp đường kiệt 2,5m, gần nhà và vườn của bà Tịch, bà Huỳnh Thị Tráng, bà Dân. Thời điểm đó là tổ 26, phường H, thời điểm giải tỏa là tổ 80, phường H".

- Ông Nguyễn Văn M có nộp thuế nhà, đất từ ngày 15/6/2004, thể hiện tại Biên lai số 016504 do Chi cục thuế quận N cấp.

- Hộ ông Nguyễn Văn M có sổ Hộ khẩu số 150000526 do Công an quận N cấp ngày 28/12/2007, với 05 nhân khẩu (02 vợ chồng và 03 con).

- Tại biên bản làm việc với Thanh tra thành phố ngày 02/3/2021, Phó Chủ tịch UBND phường H ông Huỳnh Công Tiến xác nhận như sau:

"- Về Biên lai thuế nhà, đất số 016504 ngày 15/6/2004 của ông Nguyễn Văn M: Kiểm tra bộ thuế do UBND phường quản lý thì có tên ông M trong bộ thuế, Biên lai thuế nêu trên đúng với vị trí khu đất thu hồi.

- Về Đơn xin xác nhận về nguồn gốc đất - hồ sơ 2771: Trong đơn công dân có trình bày có nhà ở và ghi rõ tứ cận vị trí đất, qua xem xét đơn nhận thấy nội dung trình bày của công dân về nhà ở tại Tổ 26 và tứ cận là đúng và trùng khớp tại vị trí đất thu hồi hồ sơ 2771 thời điểm đó.

- Về Sổ Hộ khẩu: Sổ Hộ khẩu chủ hộ được cấp đúng vị trí thu hồi đất là tổ 29 năm 2007 (trước đây là tổ 26)."

- Kê khai sử dụng đất theo Chỉ thị số 299/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ thuộc một phần thửa đất số 681, tờ số 10, diện tích 980m^2, loại đất màu do hợp tác xã quản lý.

- Kê khai sử dụng đất theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ là thửa 62, tờ bản đồ 20, diện tích 617 m^2, đất LN (lâm nghiệp) do UBND phường quản lý.

- Hiện trạng sử dụng tại thời điểm thu hồi là có nhà được thể hiện tại: Sơ đồ thu hồi đất (ban hành kèm theo Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND quận N), Biên bản kiểm định khối lượng, chất lượng nhà ngày 09/8/2011 (nhà ở gần 100 m^2) và Bảng tính giá trị đền bù ngày 17/12/2011.

Để làm rõ nguồn gốc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M, tại Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 29/7/2021 của UBND quận N có ý kiến như sau:

"- Giấy tờ do ông M cung cấp: Đơn xin xác nhận nguồn gốc nhà và đất do ông bà để lại với diện tích 300,0m^2, được UBND phường H xác nhận ngày 28/4/2004, nội dung: ông M có nhà ở tại tổ 26 phường Hòa Hài là đúng.

- Bản kê khai nguồn gốc đất của ông M (thể hiện trong hồ sơ giải tỏa) được UBND phường H xác nhận ngày 24/8/2011, nội dung: theo bản đồ 64/CP thửa 62, tờ 20, diện tích 617,0 m^2 đất LN do UBND phường quản lý;

- Biên bản kiểm tra thực tế hiện trạng ngày 30/12/2015 của Hội đồng Bồi thường thiệt hại dự án: Nhà không ở.

Qua kiểm tra và đối soát hồ sơ, nguồn gốc và vị trí sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn M (số hồ sơ giải tỏa số 2771), Hội đồng GPMB quận N thống nhất xác định:

+ Vị trí thửa đất nêu tại nội dung Đơn xin xác nhận nguồn gốc nhà và đất do ông bà để lại với diện tích 300,0m^2 và được UBND phường H xác nhận ngày 28/4/2004 không trùng khớp với vị trí thửa đất giải tỏa. Việc không trùng khớp

vị trí được xác định bởi nguyên nhân nguồn gốc hình thành thửa đất theo hiện trạng.

+ Thửa đất số 64, tờ bản đồ hiện trạng số 286 với diện tích 222,5 m^2 thu hồi theo hiện trạng trùng khớp với thửa 62, tờ 20, diện tích 617,0 m^2 đất LN lập theo Nghị định 64/CP của Chính phủ (đo đạc quy chủ năm 1994, phê duyệt năm 1995) và do UBND phường quản lý. Do đó xác định nguồn gốc của thửa đất có diện tích thu hồi 222,5m^2 theo hiện trạng là có nguồn gốc hình thành từ một phần của thửa đất nông nghiệp do UBND phường quản lý.

+ Tra cứu Hồ sơ địa chính lập theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì thửa 62, tờ 20, diện tích 617,0m^2 đất LN do UBND phường quản lý thuộc quỹ đất công ích"

Từ những cơ sở xác minh nêu trên cho thấy:

Việc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M có nguồn gốc không phải do ông bà để lại, vì công dân không có giấy tờ thể hiện việc này. Trên cơ sở xác định của UBND quận N tại Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 29/7/2021 thì vị trí thửa đất thu hồi của ông Nguyễn Văn M theo kê khai sử dụng đất tại Nghị định số 64/CP của Chính phủ là thửa 62, tờ bản đồ 20, diện tích 617m^2, đất LN (lâm nghiệp) do UBND phường quản lý thuộc quỹ đất công ích.

2. Thu hồi đất và bồi thường thiệt hại

a) Về thu hồi đất

Căn cứ Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 04/3/2008 của UBND thành phố về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố) quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố, ngày 10/9/2008 UBND quận N ban hành Quyết định số 3147/QĐ-UBND thu hồi khu đất diện tích 222,5 m^2 thuộc thửa đất số 64, tờ bản đồ hiện trạng số 286 tại phường H, quận N do hộ ông Nguyễn Văn M sử dụng để giao Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý để thực hiện theo quy hoạch (hồ sơ giải tóa số 2771).

b) Bồi thường thiệt hại

Trên cơ sở báo cáo đề xuất của Hội đồng GPMB quận N, Chủ tịch UBND thành phố đã phê duyệt giải quyết bồi thường thiệt hại do thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn M như sau:

- Hỗ trợ 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đ/m^2) cho diện tích 222,5 m^2.

- Hỗ trợ 100% nhà, vật kiến trúc theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Bồi thường cây cối hoa màu trên đất theo quy định ban hành kèm theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Không giải quyết bố trí đất tái định cư.

- Hỗ trợ số tiền 40.000.000 đồng (trên nguyên tắc bàn giao mặt bằng mới giải quyết).

Kết quả phê duyệt nêu trên thể hiện cụ thể tại Quyết định số 3213/QĐ UBND ngày 24/5/2016, Quyết định số 5451/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 và Quyết định số 4014/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố.

Để làm rõ căn cứ áp dụng chính sách quy định để tính bồi thường, hỗ trợ và không bố trí tái định cư đối với ông Nguyễn Văn M (hồ sơ 2771), Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 29/7/2021 của UBND quận N xác định như sau:

"- Tại khoản 3 và điểm c khoản 8 Điều 16 Quyết định số 36/2009/QĐ UBND có quy định về bồi thường đất nông nghiệp như sau:

3. Trường hợp đất thu hồi là đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường thì không được bồi thường về đất; người thuê đất công ích của xã, phường, thị trấn được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (nếu có).

c) Đất do Ủy ban nhân dân phường, xã giao để sản xuất, sử dụng ổn định liên tục, không tranh chấp từ trước ngày 01/7/2004 cho đến khi thu hồi đất, mức hỗ mức tối đa không quá 60%, giao Hội đồng giải phóng mặt bằng dự án kiểm tra, lập danh sách cụ thể, báo cáo UBND thành phố xem xét phê duyệt.

- Tại điểm m khoản 2 Điều 24 Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND có quy định về những trường hợp không được bồi thường đất như sau:

m) Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã, phường.

Trong những trường hợp cụ thể xét thấy cần phải hỗ trợ thì UBND thành phố xem xét quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng.

- Căn cứ các quy định nêu trên, Hội đồng GPMB quận N thống nhất đề xuất và được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt mức hỗ trợ thiệt hại tại các quyết định như sau:

- Quyết định số 3213/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 trên nguyên tắc bàn giao mặt bằng mới giải quyết, cụ thể như sau: Hỗ trợ 100% giá đất trồng cây lâu năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá: 11.000đ/m^2) cho DT: 222,5m^2. Hỗ trợ 100% nhà, vật kiến trúc theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND. Không giải quyết bố trí tái định cư. Hỗ trợ 20 (hai mươi) triệu đồng.

- Quyết định số 5451/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 Không giải quyết kiến nghị bố trí tái định cư của chủ hộ.

- Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 Không giải quyết bố trí tái định cư. Trên nguyên tắc bàn giao mặt bằng mới giải quyết: Hỗ trợ thêm 20 (hai mươi) triệu đồng.”

Từ những cơ sở xác minh nêu trên cho thấy

- Về bồi thường thiệt hại về nhà, vật kiến trúc, cây cối hoa màu: Nội dung này ông Nguyễn Văn M không khiếu nại nên không xem xét, giải quyết.

Liên quan đến nội dung này, ông Nguyễn Văn M có kiến nghị xem xét hỗ trợ trượt giá, nhưng do ông Nguyễn Văn M đã được xem xét, giải quyết hỗ trợ 100% nhà, vật kiến trúc nên nội dung kiến nghị này không có cơ sở xem xét, giải quyết.

- Về bồi thường thiệt hại về đất:

Căn cứ vào nguồn gốc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M nêu trên, trên cơ sở báo cáo đề xuất của Hội đồng GPMB quận N, Chủ tịch UBND thành phố đã phê duyệt giải quyết hỗ trợ như trên là đúng quy định tại khoản 3 và điểm c khoản 8 và điểm m khoản 5 Điều 24 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 cua UBND thành phố.

- Về việc không bố đất tái định cư:

Ông Nguyễn Văn M không được bồi thường, hỗ trợ theo giá đất ở hoặc giá đất khuôn viên đối với diện tích đất thu hồi nên không có cơ sở xem xét, giải quyết bố trí đất tái định cư theo quy định của Phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa dự án Khu đô thị công nghệ FPT (ban hành kèm theo Quyết định số 3991/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng).

Ngoài ra, tại Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 29/7/2021 của UBND quận N thể hiện: Tại dự án này, ông Nguyễn Văn M còn có hồ sơ giải tỏa số 44 (có tài sản trên đất chung thửa với ông Nguyễn Văn Chương bà Huỳnh Thị Chảo, diện tích đất thu hồi 1.114,6 m^2) và được Hội đồng GPMB quận N báo cáo, đề xuất Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt giải quyết như sau:

- Bồi thường 100% nhà, vật kiến trúc và cây cối hoa màu theo quy định.

- Bố trí 01 lô đất chính đường 5,5m Khu dân cư thu nhập thấp Đông Trà (giai đoạn 3) hoặc Khu dân cư Tây Nam làng đá Mỹ nghệ và hỗ trợ thêm 5.000.000 đồng.

Hiện nay, ông Nguyễn Văn M đã làm thu tục nhận đất thực tế, làm nhà và đang ở thửa đất này.

Theo đó, UBND quận N xác nhận như sau:

- Việc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M tại hồ sơ số 2771, có nguồn gốc không hợp pháp, chiếm đất nông nghiệp thuộc quỹ đất 5% do Nhà nước quản lý.

- Trong cùng dự án Khu đô thị Công nghệ FPT, ông Nguyễn Văn M có nhà ở trên đất chung thửa của cha, mẹ (hồ sơ số 44) đã được UBND thành phố phê duyệt bố trí 01 lô đất chính đường 5,5m khu dân cư thu nhập thấp Đông Trà (giai đoạn 3).

Nên đề nghị giữ nguyên mức hỗ trợ thiệt hại đã được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt tại Quyết định số 3213/QĐ-UBND ngày 24/5/2016; Quyết định số 5451/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 và Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 (nội dung phê duyệt đối với ông Nguyễn Văn M).

Trên cơ sở kết quả xác minh của Thanh tra thành phố, ngày 29/10/2021 Chủ tịch UBND thành phố đã tổ chức đối thoại với ông Nguyễn Văn M, kết quả như sau:

"Sau khi nghe đại diện Thanh tra thành phố báo cáo kết quả xác minh, ý kiến của người khiếu nại và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, ông Lê Trung Chinh, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố kết luận như sau:

- Thống nhất nội dung Báo cáo số 713/BC-TTTP ngày 06/8/2011 của Thanh tra thành phố về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn M.

- Giao Thanh tra thành phố tham mưu UBND thành phố ban hành quyết định giải quyết khiếu nại."

Từ những cơ sở xác minh nêu trên, kết luận như sau:

1. Bồi thường thiệt hại về nhà, vật kiến trúc, cây cối hoa màu

a) Bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc, cây cối hoa màu

UBND thành phố phê duyệt giải quyết bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc, cây cối hoa màu đối với ông Nguyễn Văn M là có cơ sở và đúng với quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng.

b) Nội dung kiến nghị xem xét hỗ trợ trượt giá nhà, vật kiến trúc

Ông Nguyễn Văn M đã được Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt giải quyết hỗ trợ 100% nhà, vật kiến trúc nên việc ông kiến nghị xem xét hỗ trợ trượt giá nhà, vật kiến trúc là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

c) Về bồi thường về đất

Nguồn gốc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M là lấn chiếm đất nông nghiệp thuộc quỹ đất 5% do Nhà nước quản lý, trên cơ sở báo cáo đề xuất của Hội đồng GPMB quận N, Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt giải quyết hỗ trợ như trên là đúng quy định tại khoản 3 và điểm c khoản 8 và điểm m khoản 5 Điều 24 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố.

d) Về việc không bố trí đất tái định cư

Ông Nguyễn Văn M không được bồi thường, hỗ trợ theo giá đất ở hoặc giá đất khuôn viên nên Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt không bố trí đất tái định cư là đúng quy định của Phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa dự án Khu đô thị công nghệ FPT (ban hành kèm theo Quyết định số 3991/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng).

Do vậy, ngày 13/11/2021 Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 3653/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn M, theo đó:

"1. Giữ nguyên các quyết định phê duyệt đền bù, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Văn M thuộc diện thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng.

2. Không chấp nhận nội dung khiếu nại và yêu cầu của ông Nguyễn Văn M nêu tại Mục I của Quyết định này."

Qua xem xét hồ sơ vụ việc Chủ tịch UBND thành phố giữ nguyên quan điểm tại Quyết định giải quyết khiếu nại.

**** Người bị kiện UBND quận N thành phố Đà Nẵng trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:***

Đối với hồ sơ giải tỏa số 2771 quy chủ sử dụng ông Nguyễn Văn M thuộc Dự án Khu đô thị Công nghệ FPT:

Về nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất, chúng tôi thống nhất với trình bày của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng. UBND quận N nhận định:

Nhận định:

1. Việc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M tại hồ sơ giải tỏa số 2771 dự án Khu đô thị Công nghệ FPT có nguồn gốc không hợp pháp, chiếm đất nông nghiệp thuộc quỹ đất 5% do Nhà nước quản lý.

2. Trong cùng dự án Khu đô thị Công nghệ FPT, ông Nguyễn Văn M có nhà ở trên đất chung thửa của cha, mẹ (hồ sơ số 44) đã được UBND thành phố phê duyệt bố trí tái định cư (Bố trí 01 lô đất chính đường 5,5m khu DC thu nhập thấp Đông Trà giai đoạn 3), ông Nguyễn Văn M đã làm thủ tục nhận đất thực tế, làm nhà và đang ở tại thửa đất này.

3. Việc UBND thành phố Đà Nẵng ban hành các quyết định: Quyết định số 3213/QĐ-UBND ngày 24/5/2016; Quyết định số 5451/QĐ-UBND ngày 02/10/2017; Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 là đúng quy định.

4. UBND quận N thống nhất giữ nguyên quan điểm giải quyết khiếu nại của UBND thành phố Đà Nẵng tại Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày

13/11/2021 về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Văn M.

5. Không đồng ý với yêu cầu hủy Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND quận N về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường H trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện.***

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2022/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 Luật tố tụng hành chính và căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Tuyên bác toàn bộ Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính sau:

Quyết định số 3653/QĐ-UBND được Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn M (lần đầu); Một phần Quyết định số 5415/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ đền bù và bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa dự án Khu đô thị Công nghệ FPT; Một phần Quyết định 3213/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ đền bù, bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa tại dự án Khu đô thị Công nghệ FPT và Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND quận N, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa giao cho Công ty quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng (thu hồi 222,5m^2 đất do hộ ông Nguyễn Văn M đang sử dụng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2022, người khởi kiện ông Nguyễn Văn M kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện, ông Nguyễn Văn M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2022/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng như nội dung đơn kháng cáo. Luật sư bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi Bản luận cứ đề nghị sửa toàn bộ án sơ thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của Người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, ông Nguyễn Văn M; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay, người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt; riêng đại diện UBND phường Hoà Hải vắng mặt không rõ lý do. Theo đề nghị của đại diện người khởi kiện và Kiểm sát viên, HĐXX thấy rằng những người vắng mặt đã nhận giấy triệu tập phiên tòa lần 2 hợp lệ; nên quyết định tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc thửa đất liên quan đến việc khởi kiện của ông Nguyễn Văn M; HĐXX thấy rằng: nguyên thửa đất liên quan đến việc ông M khởi kiện có nguồn gốc được kê khai sử dụng đất theo Chỉ thị số 299/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ thuộc một phần thửa đất số 681, tờ số 10, diện tích 980 m^2, loại đất màu do Hợp tác xã quản lý. Quá trình kê khai sử dụng đất theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ là thửa 62, tờ bản đồ 20, diện tích 617 m^2, đất LN (lâm nghiệp) do UBND phường Hoà Hải quản lý. Thời điểm thu hồi đất năm 2008 thể hiện ông M có căn nhà khoảng 100 m^2 trên thửa đất có diện tích 222,5 m^2 nhưng không đăng ký kê khai và thực tế không có ai ở đó. Thửa đất số 64, tờ bản đồ hiện trạng số 286 với diện tích 222,5 m^2 thu hồi theo hiện trạng trùng khớp với thửa 62, tờ 20, diện tích 617,0 m^2 đất LN lập theo Nghị định 64/CP của Chính phủ (đo đạc quy chủ năm 1994, phê duyệt năm 1995) và do UBND phường quản lý. Do đó xác định nguồn gốc của thửa đất có diện tích thu hồi 222,5m^2 theo hiện trạng là có nguồn gốc hình thành từ một phần của thửa đất nông nghiệp do UBND phường quản lý thuộc quỹ đất công ích, ông M cho rằng đất của ông bà cha mẹ để lại nhưng không có chứng cứ chứng minh.

[2.2] Xét kháng cáo về các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M:

[2.2.1] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy một phần các Quyết định phê duyệt hỗ trợ đền bù, bố trí tái định cư gồm Quyết định số 3213/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết hỗ trợ đền

bù, bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa tại dự án Khu đông thị công nghệ FPT và Quyết định số 5451/QĐ- UBND ngày 02/10/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết hỗ trợ đền bù, bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa tại dự án Khu đông thị công nghệ FPT. Ông M cho rằng UBND TP Đà Nẵng đã banh hành các quyết định trên với nội dung không bố trí tái định cư và không bồi thường về đất với mức 50% giá đất ở theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng cho diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông là đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của gia đình ông. HĐXX thấy rằng: theo nội dung Quyết định số 3213/QĐ-UBND và Quyết định số 5451/QĐ- UBND đã phê duyệt hỗ trợ đền bù đối với hộ ông Nguyễn Văn M với giá đất trồng cây lâu năm hạng 1 đồng bằng, hổ trợ 100% nhà vật kiến trúc theo Quyết định số 36/2009. Không giải quyết bố trí tái định cư là đúng quy định, bởi lẽ: Căn cứ Điều 76 Luật Đất đai 2013 quy định về những trường hợp thu hồi đất mà không bồi thường có quy định *"Đất nông nghiệp do cộng đồng dân cư sử dụng";* căn cứ điểm m khoản 5 Điều 24 Quyết định 63/2012 ngày 20/12/2012 của UBND TP Đà Nẵng thì *"Đất nông nghiệp do xã phường quản lý"* là thuộc trường hợp không được bồi thường bằng đất . Do vậy Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M về việc hủy một phần Quyết định số 3213/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết hỗ trợ đền bù, bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa tại dự án Khu đông thị công nghệ FPT và Quyết định số 5451/QĐ- UBND ngày 02/10/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết hỗ trợ đền bù, bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa tại dự án Khu đô thị công nghệ FPT với lý do không bồi thường về đất là có căn cứ.

[2.2.2] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 13/11/2021 Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn M. Đề nghị UBND thành phố xem xét giải quyết hỗ trợ 50% giá đất ở theo hạn mức và bố trí 01 lô đất tái định cư theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng: Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 13/11/2021 Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn M đã có kết luận không chấp nhận khiếu nại của ông M về việc yêu cầu được bồi thường và bố trí tái định cư là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ: như phân tích ở trên nguồn gốc đất của hộ ông M là đất do UBND phường quản lý nên không có căn cứ để việc bồi thường đất khi bị thu hồi và bố trí tái định cư. Mặc dù UBND TP Đà Nẵng không hổ trợ trượt giá tuy nhiên đã có hỗ trợ 100% nhà và vật kiến trúc trên đất nên đã đảm bảo quyền lợi cho hộ ông M. Do vậy Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại trên là có căn cứ pháp luật.

[2.2.3] Đối với kháng cáo cầu hủy Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND quận N về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng. HĐXX thấy rằng: thực hiện Quyết định thu hồi đất số 1875/QĐ ngày 4/3/2008 của UBND TP Đà Nẵng về việc thu hồi đất giao cho Công ty Quảng lý

và Khai thác đất TP Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố. UBND quận N ban hành Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 về việc thu hồi đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đối với hộ ông Nguyễn Văn M là đúng thẩm quyền đúng quy định. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông M về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND quận N về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng là có căn cứ pháp luật.

[2.2.4] Mặt khác, trong cùng dự án Khu đô thị Công nghệ FPT, ông Nguyễn Văn M có nhà ở trên đất chung thửa của cha, mẹ (hồ sơ số 44) đã được UBND thành phố phê duyệt bố trí tái định cư 01 lô đất chính đường 5,5m khu dân cư thu nhập thấp Đông Trà giai đoạn 3, ông Nguyễn Văn M đã làm thủ tục nhận đất và đã đem chuyển nhượng cho người khác được 200.000.000đ; hiện tại ông đang sở hữu nhà ở tại 35 H, Hoà Hải, Sơn Trà, Đà Nẵng; nên ông M không phải là hộ thuộc trường hợp khó khăn về nhà ở.

[3] Từ những nhận định trên đây, xét thấy tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập hồ sơ tài liệu đầy đủ và đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, đúng pháp luật; trên cơ sở đó bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M là có căn cứ. Ông Nguyễn Văn M kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới làm thay đổi đường lối giải quyết vụ án; do vậy HĐXX phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn M như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính 2015.

1/ Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn M; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2022/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 Luật tố tụng hành chính và căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: bác toàn bộ Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính sau: Quyết định số 3653/QĐ-UBND được Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2021 về việc giai quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn M (lần đầu); Một phần Quyết định số 5415/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ đền bù và bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa dự án Khu đô thị Công nghệ FPT; Một phần Quyết định 3213/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê

duyệt giải quyết hỗ trợ đền bù, bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa tại dự án Khu đô thị Công nghệ FPT và Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND quận N, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa giao cho Công ty quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng (thu hồi 222,5m^2 đất do hộ ông Nguyễn Văn M đang sử dụng).

2/ Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Văn M phải nộp 300.000đồng; ông đã tạm ứng 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai số 05064 ngày 06/10/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (ông M đã nộp đủ án phí phúc thẩm)

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (19/4/2023)

Nơi nhận:
- *TAND tối cao;*
- *VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *TAND thành phố Đà Nẵng;*
- *VKSND thành phố Đà Nẵng;*
- *Cục THADS thành phố Đà Nẵng;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HSVA, P.HCTP, LT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường